TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2023/HNGĐ-ST
Ngày 10 - 04 - 2023
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kiều Thị Uyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Tú Nhi – Hưu Trí;

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Diễm – Chủ tịch Hội LHPN phường Bình Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 613/2022/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 29/2023/QĐST - HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1988; thường trú: Thôn P, xã P1, huyện L, tỉnh Q; tạm trú: số 36, đường số 2, khu phố B4, phường A, thành phố D, tỉnh B. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt

Bị đơn: Anh Phan Văn N, sinh năm 1985; thường trú: Thôn P, xã P1, huyện L, tỉnh Q; tạm trú: số 36/6, khu phốT2, phường T, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 10 năm 2022 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn N tự nguyện yêu nhau, tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1, huyện L, tỉnh Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 36, Quyển số 01/2007 ngày 28 tháng 9 năm 2007.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên tranh cãi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017. Chị Nguyễn Thị D xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Phan Văn N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là cháu Phan Thị Lệ Q, sinh ngày 25/7/2010 và cháu Phan Minh Q1, sinh ngày 03/12/2005. Từ khi vợ chồng sống ly thân các con chung do chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị D đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phan Thị Lệ Q và Phan Minh Q1 và không yêu cầu anh Phan Văn N thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cả hai cháu.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Phan Văn N:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để cung cấp bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa vào các ngày 22/03/2023 và 10/04/2023 nhưng anh Phan Văn N không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ và không nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Tại biên bản xác minh nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn N do Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xác minh ngày 14/01/2023, Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình cung cấp thông tin như sau: Chị Nguyễn Thị D không phải là hội viên của Hội phụ nữ phường. Trước khi khởi kiện ly hôn tại Tòa án, chị Nguyễn Thị D không có yêu cầu địa phương tổ chức hòa giải cơ sở. Vì vậy, Hội Liên hiệp phụ nữ phường Tân Bình cũng không rõ nguyên nhân mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung giữa chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn N.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa vào ngày 22/3/2023 và ngày 10/04/2023 nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định. Về nội dung: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn anh Phan Văn N vắng mặt tại phiên tòa

hai lần liên tiếp không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Điều 227, 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại xã P1, huyện L, tỉnh Q theo giấy chứng nhận kết hôn số 36, Quyển số 01/2007 ngày 28 tháng 9 năm 2007 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Chị Nguyễn Thị D cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm, chia sẻ với nhau, thường xuyên tranh cãi, vợ chồng sống ly thân từ năm 2017. Nay, chị Nguyễn Thị D xác định tình cảm vợ chồng với anh Phan Văn N không còn mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn. Bản thân anh Phan Văn N sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh Phan Văn N không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Vì vậy, xét thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng nên yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn N có 02 con chung tên Phan Thị Lệ Q, sinh ngày 25/07/2010 và Phan Minh Q1, sinh ngày 03/12/2005. Chị Dung có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phan Thị Lệ Q và Phan Minh Q1. Anh Phan Văn N không có ý kiến về vấn đề con chung. Xét thấy, việc giao con cho ai chăm sóc phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho các cháu. Từ khi vợ chồng sống ly thân con chung do chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng vẫn đảm bảo tốt về mọi mặt, chị Trịnh Thị Dung là người có khả năng lao động, có thu nhập hàng tháng ổn định nên có đủ khả năng nuôi con, đồng thời tại bản tự khai ngày 01/3/2023 của cháu Phan Minh Q1 và bản tự khai ngày 06/3/2023 của cháu Phan Thị Lệ Q có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Trịnh Thị Dung. Căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở giao cháu Phan Thị Lệ Q, sinh ngày 25/7/2010 và cháu Phan Minh Q1, sinh ngày 03/12/2005 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Phan Văn N có quyền đi lại, thăm nom con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị D về việc không yêu cầu anh Phan Văn N phải phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí không có giá ngạch theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, 227, 228, 238 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D với anh Phan Văn N.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị D được ly hôn với anh Phan Văn N (Giấy chứng nhận kết hôn số 36, Quyển số 01/2007 ngày 28 tháng 9 năm 2007 do Ủy ban nhân dân xã P1, huyện L, tỉnh Q cấp).

1.2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Phan Thị Lệ Q, sinh ngày 25/7/2010 và Phan Minh Q1, sinh ngày 03/12/2005 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn chị Nguyễn Thị D và anh Phan Văn N đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của chị Nguyễn Thị D về việc không yêu cầu anh Phan Văn N cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000843 ngày 08/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh Bình Dương (1);
- UBND xã P1, huyện L, tỉnh Q (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Kiều Thị Uyên